

Xuồng Ba Lá

Nét Đặc Trưng Trên Sông Nước Nam Bộ

Tặng Tấn Lộc

Đồng bằng sông Cửu Long, vùng quê có chín dòng sông với hệ thống kênh rạch chằng chịt đi vào tận trước cửa mỗi nhà, trên nền đất yếu, sinh lầy, ngập nước, đường bộ khó bồi đắp và hiểm hoi, những chiếc cầu tre thì chênh vênh, từ nhà ra vườn cũng phải đi bằng xuồng, hàng xóm đến với nhau cũng bằng xuồng.

Xưa còn nghèo, thông dụng nhất vẫn là xuồng ba lá. Người ta gọi xuồng ba lá là “*đôi chân của người dân vùng sông nước Nam bộ*”. Hay có cách gọi dí dỏm hơn: “*đi bằng tay*” bởi vì chỉ cần hai tay chèo xuồng là đi gần đi xa đều có xuồng nâng bước. Nhà ai không sắm được xuồng ba lá, cứ như bị cột chân. Nghèo đến mấy, tối thiểu trong nhà phải sắm được một chiếc xuồng ba lá.

Trong kháng chiến, công lao của chiếc xuồng ba lá thật khó mà kể hết. Xuồng chở quân lương, vũ khí. Xuồng đưa bộ đội, du kích qua sông. Nhiều đoàn quân tác chiến trên kênh rạch chỉ có thể nhờ dân giúp đỡ mới hành quân được - hành quân đường xuồng. Xuồng còn nhẹ nhàng khoả sóng trong đêm, đưa đặc công, trinh sát tiếp cận đánh đồn địch. Xuồng ba lá luồn lách được mọi rừng tràm, xèo đước, rạch nhỏ. Xuồng ba lá giấu lực lượng, giấu cán bộ trong đám lục bình trên sông. Đi biểu tình, đấu tranh, địch vận cũng bằng xuồng ba lá.

Xuồng ba lá là tên gọi dựa trên cấu tạo của loại xuồng được ghép bởi ba tấm ván. Gồm có hai tấm ván be và một tấm ván đáy. Để xuồng được cứng chắc, người ta dùng những chiếc “cong” tạo thành bộ khung mô phỏng bộ xương sườn của cá. Bộ cong này có nhiệm vụ cố định thân xuồng, chống đỡ sức ép của nước từ bên ngoài vào, đồng thời giữ chặt ván xuồng, giúp xuồng không bị biến dạng.

Dưới các thanh cong, người thợ đóng xuồng nghĩ ra cách khoét lõm hình bán nguyệt gọi là những “*lỗ lù*”. Chúng có nhiệm vụ thông nước giữa các khoang xuồng với nhau để giúp cho việc tát nước dễ dàng, không mất công tát theo từng khoang. Mũi và lái xuồng ba lá có hình dạng không khác gì nhau, khác chăng chỉ là ở kích cỡ bộ ván sạp.

Nhờ mũi và lái xuồng ba lá giống nhau mà tính linh hoạt trong việc điều khiển xuồng càng cao. Nếu như ở các loại ghe, thuyền khác cần phải quay mũi khi cần trở lại thì với một chiếc xuồng ba lá, người ta chỉ cần hoán đổi vị trí ngồi bơi, mũi rẽ thành lái và ngược lại. Đặc điểm này cũng chính là một trong những ưu điểm của xuồng ba lá, nó đặc biệt có ý nghĩa khi sử dụng xuồng ở nơi đường đi quá chật hẹp.

Trọng tải của xuồng ba lá được tính bằng kích cỡ của bộ ván be. Phổ biến là xuồng các cỡ từ khoảng be sáu đến be mười. Xuồng có số đo be càng thấp thì càng nhỏ, càng nhẹ, khả năng di chuyển cao, nhưng sức chở thấp, thích hợp làm phương tiện đi lại. Xuồng lớn có thể chở nhiều, nhưng di chuyển chậm nên thường được dùng để vận chuyển hàng hóa. Cùng với quá trình hoàn thiện chiếc xuồng ba lá là quá trình sáng tạo ra các công cụ và phương pháp điều khiển nó như: cây sào nạng dùng để chống, dầm dùng để bơi và cuối cùng là cây chèo. Mỗi thứ có cách sử dụng riêng. Nhưng dù cho điều khiển xuồng bằng bất cứ cách nào, giữ thăng bằng cho xuồng khỏi tròng trành hoặc lật úp mới là điều quan trọng nhất. Để đạt được sự thăng bằng cần thiết là cả một nghệ thuật và nghệ thuật đó chỉ được

thành hình qua một quá trình rèn luyện. Hiện nay, phần đông nhân dân trong vùng, do đời sống ngày càng được cải thiện nên đã sắm được máy nổ thay cho dầm, chèo. Tuy nhiên, dù cho đã có máy móc, nhưng bất cứ chiếc xuồng máy nào cũng đều mang theo dầm, chèo để phòng khi máy móc trục trặc mà dùng.

Xuồng ba lá là sự lựa chọn tuyệt vời để khắc phục hoàn cảnh, đối phó với môi trường tự nhiên. Sự gắn bó của nó đối với con người nơi đây được ví như một bộ phận không thể tách rời của cơ thể. Không có xuồng được người dân ở đây ví như bị “cụt chân”.

Quá trình hoàn thiện chiếc xuồng ba lá, những công cụ đi kèm, cách thức điều khiển và những ứng dụng thực tiễn của nó đã tạo nên một sắc thái riêng cho diện mạo văn hóa Nam bộ. Đó là một nền văn hóa sông nước thật sự. Có thể nói, chiếc xuồng đã gắn bó với cư dân nơi đây từ thuở thiếu thời cho đến tuổi xế chiều.

Hàng trăm năm qua, từ ngày cha ông ta đi mở cõi, chiếc xuồng luôn giữ một vị trí quan trọng đặc biệt trong đời sống của người dân vùng quê sông nước Nam bộ. Xuồng là người bạn đồng hành, là bạn đời thủy chung, son sắt gắn bó với con người nơi đây suốt lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất này. Chiếc xuồng có mặt ở khắp mọi nơi.

Xưa kia, với địa hình kênh rạch chằng chịt, rừng rú um tùm, giao thông đường bộ kém phát triển thì chiếc xuồng là loại phương tiện đắc dụng và phù hợp nhất. Nó được sử dụng để đi lại dễ dàng cả trên sông lớn lẫn kênh nhỏ. Nhưng chiếc xuồng ba lá càng tỏ ra có ưu điểm cao hơn các loại phương tiện giao thông thủy khác khi cần thiết phải di chuyển trên mương, rạch nhỏ. Người ta chọn xuồng làm phương tiện giao thông chủ yếu không hẳn do điều kiện kinh tế, mà trước hết là vì tính linh hoạt, hữu hiệu của nó. Tính linh hoạt của xuồng ba lá đặc biệt có ý nghĩa khi được sử dụng ở trên ruộng hoặc chân rừng ngập nước, là những nơi mà hầu như các loại phương tiện khác phải chào thua.

Nhờ nhỏ, gọn, nhẹ nên xuồng có thể dễ dàng luôn lách trên những đoạn đường chật hẹp. Đồng thời, do diện tích mặt tiếp xúc với nước nhỏ làm hạn chế tối đa sức cản của nước nên nó có khả năng di chuyển nhanh ngay cả ở nơi nước nông. Người ta dùng xuồng để đi lại cũng như trong lao động sản xuất. Chiếc xuồng dùng để đi thăm câu, giăng lưới, vận chuyển sản vật khai thác được ở rừng, chuyên chở thành quả lao động từ đồng ruộng về, dùng xuồng để đi buôn bán. Độc đáo hơn, xuồng đôi khi còn được sử dụng như một ngôi nhà lênh đênh trên mặt nước, một mái ấm tâm linh chở che con người trước mưa nắng vô thường của đất trời Tây Nam bộ.

Từ khởi thủy là chiếc xuồng độc mộc của tổ tiên đến chiếc xuồng làm bằng vật liệu mới composite đương đại, chiếc xuồng ở vùng này đã qua một quá trình hơn ba thế kỷ phát triển không ngừng. Suốt dòng lịch sử này, chiếc xuồng ba lá là cả một sự phát hiện đầy tính sáng tạo của con người Nam bộ.

Xuôi dòng Mê Kông, nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, chạy dài gần 100 km là hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh. Đây là vùng có hệ thống sông ngòi dày đặc và là nơi có hệ cây ăn trái phong phú nhất ở miền Tây Nam bộ. Trước đây, vào năm 1937 ở Vĩnh Long (lúc đó bao gồm cả Trà Vinh, Chợ Lách - Bến Tre, Sa Đéc - Đồng Tháp) cứ trung bình 1 km² đất đai thì có một con sông, kênh, rạch. Tỷ lệ này hiện nay có xê dịch đi chút ít nhưng tăng hơn trước do người dân đã tự khai phá thêm để làm ăn sinh sống sau gần 300 năm, từ khi chúa Nguyễn đặt tên cho vùng đất này là Long Hồ Dinh vào năm 1732.

Người dân Vĩnh Long, Trà Vinh cũng như nhiều vùng quê Nam bộ khác khi lữ về thì đi lại chủ yếu bằng xuồng, ghe. Xuồng ghe đã in đậm vào trí nhớ của người dân nơi đây, cho dù đi xa quê nhà họ vẫn luôn nhớ tới loại phương tiện mà trước đây họ đã dùng thường xuyên từ đi lại thăm viếng nhau đến chở

lúa, mạ, phân bón, chợ búa trao đổi... Hiện trong lịch sử đến nay còn tồn tại nhiều khu chợ nổi trên sông mang đậm nét văn hóa vùng đất sông nước này như chợ Quới Thiện (Cù Lao Dài), chợ Trà Ôn (ngã ba sông Hậu), chợ Lục Sĩ (Cù Lao Mây)... Ở các xã, ấp vùng sâu của các huyện Bình Minh, Trà Ôn, Mang Thít, Long Hồ, Vũng Liêm còn hàng trăm ngôi chợ sông khác mà *chủ nhân* các chợ này đông đảo nhất vẫn là ghe xuồng.

Chiếc xuồng đã gắn bó với vùng quê sông nước miền Tây như gắn bó với cuộc đời họ từ lúc sinh ra, lớn lên, biết đi lại, học hành, se duyên thành vợ thành chồng. Nhiều cụ già vùng Cù Lao Mây, Cù Lao Dài cho rằng từ lúc sinh ra họ đã nằm trong xuồng rồi, đi học, đi chơi, đi chữa bệnh, đi đám cưới, đám hỏi, thăm viếng nhau... mọi việc đều được xuồng vận chuyển. Xuồng vùng sông nước thủy chung với con người chặt bền như tấm áo mảnh khăn đã sản sinh ra một vùng đất, một vùng người mang đậm tính Nam bộ rất riêng biệt.

Ghe, xuồng - phương tiện đi lại ở vùng sông nước Nam bộ từ rất lâu đời đã kết gắn cả cộng đồng người Việt trong sự nghiệp khai khẩn, mở mang vùng đất Nam bộ phì nhiêu. Ngày nay, ghe xuồng vẫn cùng với người dân vùng đất Nam bộ viết tiếp những trang sử vàng mà cha ông ta để lại.

Thật vậy, xuồng ghe đi lại đã sống cùng cốt cách sông nước con người miền Tây. Những người con ở xa quê hương cứ nhớ mãi những trại cây, bóng nước, bóng hình những chiếc xuồng ba lá... thành hồn thơ lưu mãi của người dân vùng sông nước qua bao năm tháng sinh thành:

*“Những hạt cát liền nhau thành xứ sở
Thành những ven sông, bến chợ, sân trường”*

Ngày nay, người ta còn làm ra xuồng bằng các loại vật liệu hợp kim và vật liệu hợp chất phi kim loại. Tuy làm bằng nhiều cách thức khác nhau, tác dụng của chiếc xuồng ba lá đối với người dân vùng sông nước Nam bộ vẫn giữ nguyên giá trị của nó, vẫn là truyền thống được kế thừa, vẫn giữ được những nét độc đáo trong làm ăn và sinh hoạt của người dân nơi này:

*“Nhà anh cách nhà em hai kinh một rạch
Anh ngó thấy em tóc dài buông hờ bà ba tím
Anh nghèo chưa sắm xuồng ba lá
Chẳng đành lợi kinh dính sinh sang bến gặp em
Thì mai anh sang nhà Năm Cua mượn xuồng ba lá
Đêm trăng hai đứa mình...Hò ơ... mới thực đêm trăng”*

Hữu dụng là thế, thơ mộng cũng vì thế, đậm sắc miền quê là chiếc xuồng ba lá khắp các vùng Nam bộ. Một nét quê hương ai cũng lắng đọng nhớ thương, “ai đến miền Tây mà chẳng thương, ai xa miền Tây mà chẳng nhớ”. Cho đến nay, nhiều địa phương ở Nam bộ, hội đua xuồng đã thành truyền thống. Chiếc xuồng ba lá đã đi vào nghệ thuật qua văn, thơ, nhạc, họa... Cùng với mái đình, cây đa, bến nước, chiếc xuồng là biểu tượng gợi nhớ quê hương cho những người con xa xứ.

11/2006

Nguồn: <http://www.vanchuongviet.org>